

Số:2784/SGDĐT-QLCL, GDNN-GDTX

Gia Lai, ngày 18 tháng 5 năm 2026

Cấu trúc đề thi Kỳ thi tuyển sinh
vào lớp 10 năm học 2026-2027

Kính gửi:

- UBND các xã, phường;
- Hiệu trưởng các trường THPT và trực thuộc;
- Trung tâm GDTX tỉnh;
- Các Trung tâm GDNN-GDTX.

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 2593/KH-SGDĐT ngày 11/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026-2027, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo cấu trúc đề thi các môn thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026-2027. Cụ thể như sau:

A. CÁC MÔN CHUNG

I. MÔN NGỮ VĂN

1. Phạm vi chương trình

- Thuộc phạm vi chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) môn Ngữ văn cấp THCS, chủ yếu lớp 9.

- Loại văn bản: Văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

- Ngữ liệu: Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa. Dung lượng của văn bản hoặc đoạn trích trong đề thi không quá 1300 chữ.

2. Hình thức thi: Tự luận.

3. Thời gian thi: 120 phút.

4. Điểm bài thi: 10 điểm.

5. Cấu trúc

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Chọn một trong ba loại văn bản (hoặc đoạn trích): Văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

- Có 05 câu đọc hiểu ở các mức độ: Biết, hiểu, vận dụng.

Phần II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận văn học (khoảng 200 chữ).

(Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ hoặc một đoạn thơ; hoặc viết đoạn văn phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.)

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận xã hội.

(Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; hoặc viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục).

II. MÔN TOÁN

1. Phạm vi chương trình: Thuộc phạm vi chương trình GDPT môn Toán cấp THCS, chủ yếu lớp 9.

2. Hình thức thi: Tự luận.

3. Thời gian thi: 120 phút.

4. Điểm bài thi: 10 điểm.

5. Cấu trúc

Gồm 5 bài, mỗi bài có thể có nhiều câu được phân bố mức điểm: Đại số (4,5 – 5,5 điểm); Hình học (3,0 – 4,5 điểm), Thống kê – xác suất (1,0 – 1,5 điểm).

Nội dung kiến thức được lựa chọn trong những nhóm sau:

a) Biểu thức và các vấn đề liên quan:

- Rút gọn biểu thức và các hệ thức liên quan;
- Tính giá trị biểu thức;
- Chứng minh đẳng thức.

b) Hàm số, phương trình:

- Hàm số bậc nhất, bậc hai $y = ax^2 (a \neq 0)$;
- Phương trình bậc nhất, bậc hai;

c) Dạng toán thực tế liên quan đến phương trình, bất phương trình, hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.

d) Dạng toán thực tế liên quan đến xác suất, thống kê.

đ) Dạng toán thực tế liên quan đến hình học:

- Chu vi, diện tích tam giác, tứ giác, độ dài cung tròn, chu vi đường tròn, diện tích hình tròn, hình quạt tròn...;
- Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích các hình khối trong thực tế...

e) Hình học phẳng

- Chứng minh mối quan hệ giữa các yếu tố hình học: đồng quy, thẳng hàng, vuông góc, song song, bằng nhau...;
- Bài toán liên quan đến tam giác, tứ giác, đường tròn...

III. MÔN TIẾNG ANH

1. Phạm vi chương trình: Thuộc phạm vi chương trình GDPT môn Tiếng Anh cấp THCS, chủ yếu lớp 9.

2. Hình thức thi: Trắc nghiệm: 6,0 điểm và Tự luận: 4,0 điểm.

3. Thời gian thi: 60 phút.

4. Điểm bài thi: 10 điểm.

5. Cấu trúc

Part 1: Write A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word or phrase that best completes each of the following sentences. (8 câu)

Part 2: Read the following announcement/advertisement/passage and write A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks. (4 câu)

Part 3: Write A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances/sentences to make a meaningful exchanges/text in each of the following questions. (4 câu)

Part 4: Read the following passage and write A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions. (4 câu)

Part 5: Read the following passage and decide if the statements that follow are TRUE or FALSE. (4 câu)

Part 6: Give the correct form of words in brackets. (4 câu)

Part 7: Each sentence has a mistake. Find the mistakes and correct them. (2 câu)

Part 8: Complete the second sentence so that it has the same meaning as the first one. Use NO MORE THAN FOUR WORDS. (4 câu)

B. CÁC MÔN CHUYÊN

1. Phạm vi chương trình: Thuộc phạm vi chương trình GDPT cấp THCS.

2. Thời gian thi: 150 phút.

3. Điểm bài thi: 10 điểm

4. Môn thi

- Môn Ngữ văn chuyên: Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Ngữ văn.
- Môn Toán chuyên: Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Toán.
- Môn Tiếng Anh chuyên: Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Tiếng Anh.
- Môn Khoa học tự nhiên (Phần kiến thức chuyên Vật lí): Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Vật lí.
- Môn Khoa học tự nhiên (Phần kiến thức chuyên Hoá học): Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Hóa học.
- Môn Khoa học tự nhiên (Phần kiến thức chuyên Sinh học): Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Sinh học.

- Môn Lịch sử và Địa lí (Phần kiến thức chuyên Lịch sử): Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Lịch sử.

- Môn Lịch sử và Địa lí (Phần kiến thức chuyên Địa lí): Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Địa lí.

- Môn Tin học chuyên: Dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Tin học.

5. Hình thức thi, cấu trúc đề thi

a) Môn Ngữ văn chuyên

Đề thi gồm 02 câu (10 điểm), trong đó:

Câu 1: Nghị luận xã hội (4.0 điểm).

Câu 2: Nghị luận văn học (6.0 điểm).

Đề thi có nội dung, mức độ tư duy phù hợp để đánh giá năng lực học sinh tham dự kỳ thi tuyển vào lớp 10, chuyên Ngữ văn. Phạm vi chương trình, loại văn bản, ngữ liệu như đề thi Ngữ văn không chuyên.

b) Môn Toán chuyên

- Đại số: Biểu thức đại số; hàm số và đồ thị bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$), bậc hai $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và các bài toán liên quan; các bài toán về phương trình, hệ phương trình, bất phương trình và các bài toán về định lí Viét cho phương trình bậc hai; bất đẳng thức, GTLN, GTNN; đa thức, đẳng thức; số vô tỷ, số hữu tỷ.

- Số học: Các bài toán về số nguyên, ước số, bội số, chia hết, chia có dư, số nguyên tố, hợp số, số chính phương, số lập phương.

- Hình học và đo lường: Hình học phẳng gồm các bài toán về tam giác, góc, đường tròn, đa giác, tứ giác nội tiếp, trọng tâm, trực tâm, tâm đường tròn nội tiếp, tâm đường ngoại tiếp; chứng minh đẳng thức, vuông góc, song song, trung điểm, thẳng hàng, đồng quy; một số bài toán về điểm cố định, đường cố định. Hình học trực quan gồm các bài toán thực tế liên quan đến diện tích, thể tích của chóp, lăng trụ, trụ, nón, cầu.

- Thống kê và xác suất, tập hợp số: Bài toán đếm; xác suất. Một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số và tập hợp số.

c) Môn Khoa học tự nhiên dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Vật lí

- Phần kiến thức chung (1,0 điểm): Nội dung thi có trong các mạch kiến thức sau: Mở đầu; Các phép đo; Trái Đất và bầu trời.

- Mạch kiến thức Năng lượng và sự biến đổi (9,0 điểm): Các phép đo; Lực và chuyển động; Khối lượng riêng và áp suất; Năng lượng và cuộc sống; Âm thanh; Ánh sáng; Điện; Từ.

d) Môn Khoa học tự nhiên dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Hóa học

- Phần kiến thức chung (1,0 điểm); Mở đầu; Các phép đo; Trái Đất và bầu trời, Năng lượng và cuộc sống; Chuyển hoá hoá học; Chất có ở xung quanh ta.

- Mạch kiến thức Chất và sự biến đổi của chất (9,0 điểm), bao gồm: Nguyên tử; Nguyên tố hóa học; Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học; Acid – Base –

Oxide – Muối; pH; Phân bón hóa học; Kim loại; Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại; Hợp chất hữu cơ; Hydrocarbon – nhiên liệu; Ethylic alcohol; Acetic acid, Lipid; Carbohydrate; Protein, Polymer.

đ) Môn Khoa học tự nhiên dành cho thí sinh thi vào lớp chuyên Sinh học

- Phần kiến thức chung (1,0 điểm): Mở đầu; Trái Đất và bầu trời; Năng lượng và cuộc sống; Chuyển hoá hoá học; Chất có ở xung quanh ta.

- Mạch kiến thức Vật sống (9,0 điểm): Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống; Đa dạng thế giới sống; Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên; Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật; Cảm ứng ở sinh vật; Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật; Sinh sản ở sinh vật; Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. Sinh học cơ thể người; Môi trường và các nhân tố sinh thái; Hệ sinh thái; Cân bằng tự nhiên; Bảo vệ môi trường. Hiện tượng di truyền; Mendel và khái niệm nhân tố di truyền (gene); Từ gene đến protein; Nhiễm sắc thể; Di truyền nhiễm sắc thể; Di truyền học với con người; Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống; Tiến hoá.

e) Môn Lịch sử và Địa lí dành cho thí sinh dự thi lớp chuyên Lịch sử

- Phần Lịch sử thế giới gồm các mạch kiến thức: Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945), Chiến tranh lạnh (1947 – 1989), nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991, châu Á từ năm 1945 đến năm 1991, trật tự thế giới mới sau chiến tranh lạnh, châu Á từ năm 1991 đến nay.

- Lịch sử Việt Nam gồm các mạch kiến thức:

+ Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945: Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930, hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939, Cách mạng tháng Tám năm 1945.

+ Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991: Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954, Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975, Quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

+ Công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.

+ Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

g) Môn Lịch sử và Địa lí dành cho học sinh thi vào lớp chuyên Địa lí

- Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam. Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam. Đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam. Biển đảo Việt Nam.

- Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (*phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam; đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo; quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam*).

- Địa lí dân cư Việt Nam. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam. Sự phân hoá lãnh thổ: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Vùng Đồng bằng sông Hồng, Vùng Bắc

Trung Bộ, Vùng Nam Trung Bộ (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên), Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long; phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo.

- Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (*văn minh các dòng sông, biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại*).

- Một số kỹ năng: Vẽ biểu đồ, tính toán, nhận xét, phân tích, giải thích, chứng minh, so sánh các số liệu.

h) Môn Tiếng Anh chuyên

I. LISTENING (2.0 điểm)

Part 1: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (MCQ).

Part 2: Nghe điền từ/thông tin vào chỗ trống (Note-taking).

II. LEXICO – GRAMMAR (2.0 điểm)

Part 1: Trắc nghiệm từ vựng/ngữ pháp.

Part 2: Cấu tạo từ (Word Form) điền vào đoạn văn.

Part 3: Tìm và sửa lỗi sai trong một đoạn văn bản.

III. READING (3.0 điểm)

Part 1: Đọc điền từ tự do (Open cloze).

Part 2: Đọc hiểu trả lời câu hỏi trắc nghiệm (Reading Comp).

Part 3: Điền câu vào văn bản.

Part 4: Nối thông tin (Matching).

IV. WRITING (3.0 điểm)

Part 1: Viết lại câu dùng từ cho sẵn (giới hạn 4-6 từ).

Part 2: Viết lại câu giữ nguyên nghĩa.

Part 3: Viết 1 lá thư

Part 4: Viết bài luận khoảng 250 từ.

i) Môn Tin học chuyên

- Hình thức thi: Thi lập trình trực tiếp trên máy tính bằng ngôn ngữ lập trình C/C++/Python hoặc các ngôn ngữ lập trình khác;

- Nội dung thi tập trung chủ yếu vào: Kiến thức lập trình cơ bản (*biến, hằng, kiểu dữ liệu, toán tử, câu lệnh điều kiện, vòng lặp, hàm, nhập xuất dữ liệu*); tư duy thuật toán và xử lý dữ liệu; mảng một chiều, mảng hai chiều, xâu ký tự; các kỹ thuật duyệt, đếm, tìm kiếm, sắp xếp cơ bản, mảng cộng dồn, kỹ thuật hai con trỏ; các thuật toán cơ bản (*tìm kiếm tuyến tính, tìm kiếm nhị phân, tham lam, đệ quy, quay lui đơn giản, quy hoạch động mức cơ bản*); một số cấu trúc dữ liệu cơ bản (*Stack, Queue, Set, Map*).

- Cấu trúc đề thi: Đề thi gồm 04 bài, tổng điểm 10 điểm.

Bài 1. Lập trình cơ bản và số học (3,0 điểm):

+ Nội dung: Câu lệnh điều kiện; vòng lặp; hàm; các bài toán số học; xử lý xâu ký tự hoặc mảng đơn giản;

+ Subtask: Subtask 1 (50%): Dữ liệu nhỏ, giải trực tiếp; Subtask 2 (50%): Yêu cầu tối ưu ở mức cơ bản.

Bài 2. Mảng - Sắp xếp - Tìm kiếm (3,0 điểm):

+ Nội dung: Mảng; xâu ký tự; sắp xếp; mảng cộng dồn; kỹ thuật hai con trỏ; tìm kiếm nhị phân.

+ Subtask: Subtask 1 (50%): Thuật toán duyệt cơ bản; Subtask 2 (50%): Thuật toán tối ưu hơn.

Bài 3. Thuật toán và tư duy lập trình (2,0 điểm):

+ Nội dung: Thuật toán tham lam; đệ quy; quay lui; quy hoạch động mức cơ bản.

+ Subtask: Subtask 1 (40%): Dữ liệu nhỏ, có thể sử dụng thuật toán vét cạn; Subtask 2 (60%): Yêu cầu lựa chọn thuật toán phù hợp để tối ưu.

Bài 4. Bài toán tổng hợp và phân hóa (2,0 điểm):

+ Nội dung: Bài toán tổng hợp; cấu trúc dữ liệu cơ bản; tư duy thuật toán; tối ưu xử lý dữ liệu.

+ Subtask: Subtask 1 (50%): Các trường hợp đặc biệt; Subtask 2 (50%): Giải quyết đầy đủ yêu cầu bài toán.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị (UBND các xã, phường, thị trấn) Hiệu trưởng các trường có cấp THCS trên địa bàn) thông báo rộng rãi đến giáo viên và học sinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, GDTrH, QLCL, GDNN-GDTX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Ngọc Sỹ